

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/DS-ST

Ngày: 25-4-2023

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Ông Châu Thanh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn An P – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:**
Bà Huỳnh Thị Yến Nhi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Phường A, thành phố V, tỉnh Vinh Long (**có mặt**).

- **Bị đơn:** 1. **Chị Dương Ngọc M** (**vắng mặt**)

2. Anh **Trần Tấn P** (**vắng mặt**);

Cùng nơi cư trú: Khóm A, Phường B, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2022, cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn **Nguyễn Thị H** trình bày:

Bà và vợ chồng chị M, anh P là bạn bè đã lâu và rất thân với nhau. Chị M và anh P cần vốn kinh doanh, nên vay tiền của bà tất cả 09 lần bằng số tiền 329.000.000đ (ba trăm hai mươi chín triệu đồng). Mỗi lần vay đều viết biên nhận, chỉ viết 01 bản chính, bà giữ và đã nộp 09 biên nhận cho Tòa án.

Từ ngày vay đến nay chị M và anh P chỉ đóng lãi được 4.000.000đ cho khoản vay ngày ngày 10/6/2016 thì ngưng không đóng lãi, không trả nợ gốc đối với bất kỳ khoản vay nào. Cụ thể như sau:

- Lần 01: Vào ngày 10/6/2016, chị M và anh P vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn từ ngày 10/6/2016 đến 10/6/2017, thỏa thuận miệng lãi suất 4%/tháng. Chị M viết biên nhận cùng ngày, anh P và chị M cùng ký tên vào biên nhận. Bà giao tiền trực tiếp cho chị M, anh P nhận. Chị M và anh P đóng lãi được hai tháng bằng số tiền 4.000.000đ thì ngưng cho đến nay.

- Lần 02: Ngày 15/8/2018, chị M và anh P vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời gian vay từ ngày 15/8/2018 đến 15/8/2019, không thỏa thuận lãi. Bà giao tiền trực tiếp cho chị M, anh P nhận. Chị M viết biên nhận cùng ngày, anh P và chị M cùng ký tên vào biên nhận.

- Lần 03: Ngày 30/12/2018, chị M và anh P vay của bà 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 30/12/2018, không ghi thời hạn trả. Biên nhận do chị M viết cùng ngày, anh P và chị M cùng ký tên vào biên nhận. Không thỏa thuận lãi suất.

- Lần 04: Ngày 04/02/2019, chị M và anh P vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời gian từ ngày 04/02/2019 đến 04/5/2019. Biên nhận do chị M viết, anh P và chị M cùng ký tên vào biên nhận, không thỏa thuận lãi suất.

- Lần 05: Ngày 06/9/2019, chị M và anh P vay của bà 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn từ ngày 06/9/2019 đến 06/12/2019, không thỏa thuận lãi suất. Bà giao tiền cho chị M, anh P nhận tại quán chè của chị M và anh P gần trường Nguyễn Trường Tộ, không ai chứng kiến. **Biên nhận này chỉ có chị M viết và ký.**

- Lần 06: Ngày 25/02/2020, chị M và anh P vay của bà 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), từ ngày 06/3/2020 đến 06/6/2020, không thỏa thuận lãi suất, tên Út H ghi trong Biên nhận là tên của bà - Nguyễn Thị H. Biên nhận do chị M viết cùng ngày, anh P và chị M cùng ký tên vào biên nhận.

- Lần 07: Ngày 10/7/2020, chị M và anh P vay của bà 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn trả từ ngày 10/7/2020 đến 25/8/2020, không thỏa thuận lãi suất. **Biên nhận do anh P viết và ký.**

- Lần 08: Ngày 25/8/2020, chị M và anh P vay của bà 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng), thỏa thuận trả hàng tháng từ ngày 25/8/2020 đến 25/12/2020, không thỏa thuận lãi suất. Bà giao tiền cho anh P trực tiếp nhận. **Biên nhận do anh P viết và ký.**

- Lần 09: Cùng ngày 25/8/2020, chị M và anh P vay của bà 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), thời hạn trả từ ngày 25/8/2020 đến 25/10/2020, không thỏa thuận lãi suất. Bà giao tiền cho anh P trực tiếp nhận. Biên nhận do anh P viết và ký (chị M

không ký tên) nhưng bà xác định đây là nợ chung của vợ chồng chị M, anh P và yêu cầu chị M, anh P cùng liên đới trả bà.

Chín lần vay tiền trên bà đều giao tiền cho bị đơn nhận tại nhà của bà, địa chỉ Phường A, thành phố V, không ai chứng kiến; chỉ riêng lần vay ngày 06/9/2019, bà giao tiền cho chị M, anh P nhận tại quán chè của chị M và anh P gần trường Nguyễn Trường Tộ, không ai chứng kiến.

Thời điểm bị đơn vay tiền của bà thì chị M làm việc tại Ủy ban Phường A; chị M và anh P có nhà và mở nhiều quán kinh doanh nên bà tin tưởng cho vay, vay không có thế chấp tài sản. Hiện nay, bị đơn đã chuyển chỗ ở khác, không còn ở tại Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nhưng không báo cho bà H biết là họ cố tình giấu địa chỉ, nên bà H đề nghị Tòa án xử bị đơn theo quy định của pháp luật. **Đối với** biên nhận ngày 10/6/2016, anh P còn có địa chỉ khác tại: xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nhà mẹ ruột của anh P).

Biên nhận ngày 10/6/2016, ngày 15/8/2018, 30/12/2018, 04/02/2019, 25/02/2020 do M tự tay viết, sau đó M và P cùng ký tên vào biên nhận; còn biên nhận ngày 06/9/2019 chỉ có M viết và ký tên; biên nhận ngày 10/7/2020, 25/8/2020, 25/8/2020 chỉ có P viết và ký tên nhưng các khoản tiền này chị M, anh P vay của bà để kinh doanh: Mở quán kem và quán cà phê nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình bị đơn nên bà yêu cầu chị M và anh P phải liên đới trả bà 329.000.000đ, bà không yêu cầu trả lãi.

Đối với bị đơn Dương Ngọc M và Trần Tấn P: Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chị M và anh P liên đới trả nguyên đơn vốn vay tổng cộng 329.000.000đ; đồng ý căn trừ tiền lãi 4.000.000đ vào tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả tiếp cho nguyên đơn đối với khoản vay ngày 10/6/2016, không yêu cầu tính lãi tiếp và không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên đề nghị xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật

Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn Dương Ngọc M và Trần Tấn P trả nguyên đơn tổng cộng 329.000.000đ (ba trăm hai mươi chín triệu đồng); Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 16.450.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà H khởi kiện yêu cầu chị M và anh P trả bà tiền vay vì cho rằng quyền và lợi ích bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện. Bị đơn cư trú tại thành phố Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Căn cứ kết quả xác M ngày 07/11/2022 của Công an xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang xác định: Dương sự Trần Tấn P hiện tại không có mặt tại địa phương, làm gì, ở đâu không biết. Qua xác M tàng thư dữ liệu dân cư quốc gia dương sự Trần Tấn P không có trên dữ liệu của Công an xã T (bút lục 69).

Căn cứ nội dung phúc đáp số 07/UBND ngày 12/01/2023 của Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố V thể hiện (bút lục 83): Qua tra cứu tư liệu của Công an Phường A thì Dương Ngọc M và Trần Tấn P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khóm A, Phường B, thành phố V nhưng hiện nay chị M, anh P không còn sinh sống trên địa bàn Phường B.

Do đó, đủ cơ sở xác định địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của chị M và anh P tại Khóm A, Phường B, thành phố Vĩnh Long, không còn địa chỉ nào khác.

Tuy nhiên, hiện nay chị M, anh P không còn sinh sống trên địa bàn Phường B. Như vậy thuộc trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục xét xử và giấy triệu tập tham dự phiên tòa (lần 01 vào ngày 03/4/2023, lần 02 ngày 25/4/2023) bằng hình thức niêm yết nhưng bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không lý do nên xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc bà H yêu cầu chị M và anh P trả bà nợ vay.

Xét thấy, mặc dù suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn không tham dự các phiên họp, phiên hòa giải cũng không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn nhưng căn cứ tài liệu chứng cứ nguyên đơn xuất trình, bao gồm 09 tờ Biên nhận, đều là bản chính, gồm: Biên nhận ngày 10/6/2016 do Trần Tấn P và Dương Ngọc M ký vay 50.000.000đ; Biên nhận ngày 15/8/2018 do Trần Tấn P và Dương Ngọc M ký vay 50.000.000đ; Biên nhận ngày 30/12/2018 do Trần Tấn P và Dương Ngọc M ký vay 20.000.000đ; Biên nhận ngày 04/02/2019 do Trần Tấn P và Dương Ngọc M ký vay 20.000.000đ; Biên nhận ngày 06/9/2019 do Dương Ngọc M ký vay 30.000.000đ; Biên nhận ngày 25/02/2020 do Trần Tấn P và Dương Ngọc M ký vay 30.000.000đ; Biên nhận ngày 10/7/2020 do Trần Tấn P ký vay 30.000.000đ; Biên nhận ngày 25/8/2020 do Trần Tấn P ký vay 39.000.000đ; Biên nhận ngày 25/8/2020 do Trần Tấn P ký vay 60.000.000đ. Tổng cộng số tiền vay của nguyên đơn là 329.000.000đ.

Nguyên đơn trình bày đến nay bị đơn chưa thanh toán nợ gốc, chỉ thanh toán 4.000.000đ lãi. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bị đơn.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối các tình tiết, sự kiện nguyên đơn yêu cầu nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng M theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Dương Ngọc M và Trần Tấn P phải liên đới trả nguyên đơn nợ gốc 329.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 16.450.000đ (cách tính $329.000.000đ \times 5\% = 16.450.000đ$).

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Như phân tích trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.**

Buộc chị Dương Ngọc M và anh Trần Tấn P phải liên đới trả bà Nguyễn Thị H nợ gốc là 329.000.000đ (ba trăm hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Dương Ngọc M và anh Trần Tấn P phải nộp 16.450.000đ (mười sáu triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.225.000đ (tám triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án No 0001393 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, TA.

Đặng Thị Mỹ Thuận

